TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **17**/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 18 tháng 01 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, và Điều 81 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
1. Bà Vũ Thị Thái A, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Căn hộ số 15.24 lô A, chung cư B, 167 đường C, phường D, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Văn Hoàng B, sinh năm 1983.
Địa chỉ: 06.5 lô C chung cư T, khu phố B, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự đang cư trú tại Quận 2 nên việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 2, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về các yêu cầu của các đương sự*:

Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125 Quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Văn Hoàng B và bà Vũ Thị Thái A là hợp pháp.

Căn cứ theo Đơn yêu cầu, bản tự khai, và biên bản hòa giải có trong hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 2, nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà A là tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong đời sống vợ chồng, ông B và bà A phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm, không thể giải quyết hết trách nhiệm giữa vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông B và bà A thống nhất thuận tình ly hôn.

Tại phiên hòa giải đoàn tụ, ông B và bà A không mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà, và công nhận sự thỏa thuận:

- Về con chung: Bà Vũ Thị Thái A và ông Văn Hoàng B cùng thừa nhận có 01 con chung tên là Văn Ngọc H, sinh ngày: 20/3/2011. Bà A và ông B cùng thống nhất giao con chung cho bà Vũ Thị Thái A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Văn Hoàng B có trách nhiệm thực hiện mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và tự lập, hoặc được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà A thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự nội dung thỏa thuận trên của đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/01/2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Văn Hoàng B và bà Vũ Thị Thái A thuận thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân ông B và bà A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125 Quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2009 chấm dứt kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2019.

- Về con chung: Bà Vũ Thị Thái A và ông Văn Hoàng B thừa nhận có 01 con chung tên là Văn Ngọc H, sinh ngày 20/3/2011. Bà A và ông B thống nhất giao con chung cho bà Vũ Thị Thái A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông B có trách nhiệm thực hiện mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và tự lập, hoặc được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền;

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Văn Hoàng B tự nguyện chịu, được cấn trừ vào số tiền lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0015968 ngày 10/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- UBND phường Tân Quy, Quận 7;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Chí Quang